

NGUYỄN ĐỨC MINH

**MODUL THCS**

**38**

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP TRONG  
GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ**



## **A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN**

Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì năm 2010 Việt Nam có 5.280.000 học sinh trung học cơ sở đang đi học. Nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam cho biết, khoảng 3,47% tổng số học sinh trong cùng độ tuổi là học sinh có khuyết tật. Như vậy, trong số học sinh trung học cơ sở đang đi học sẽ có khoảng hơn 183.000 học sinh có khuyết tật.

Mặc dù tất cả các tỉnh trong toàn quốc đã thực hiện xong phổ cập giáo dục trung học cơ sở nhưng theo quy định thì địa phương được công nhận không bắt buộc phải có 100% số học sinh trong độ tuổi đã hoàn thành phổ cập. Tỷ lệ lớn số trẻ trong độ tuổi trung học cơ sở chưa được đến trường là trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Do đó, dù chưa có số liệu thống kê cụ thể nhưng số lượng học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau trong độ tuổi trung học cơ sở sẽ lớn hơn rất nhiều.

Theo quy định của pháp luật, Việt Nam sẽ bảo đảm quyền bình đẳng tham gia giáo dục đối với mọi trẻ em, trong đó có cả học sinh khuyết tật. Luật cũng quy định phổ cập giáo dục có chất lượng đối với cấp trung học cơ sở. Điều đó có nghĩa là mọi công dân Việt Nam trong độ tuổi học đều có trách nhiệm thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các cơ sở giáo dục, gia đình và cộng đồng có trách nhiệm tạo môi trường thuận lợi và giúp đỡ để mọi trẻ em có thể thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tuy nhiên cho đến nay, nhiều nội dung trong các quy định này của các luật như Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Người khuyết tật vẫn chưa thể đi vào đời sống xã hội. Nguyên nhân của thực trạng này có rất nhiều nhưng trong đó có nguyên nhân là do các cơ sở giáo dục, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nhà trường vẫn chưa được chuẩn bị để tiếp nhận và giáo dục học sinh khuyết tật. Module này sẽ cung cấp cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cấp trung học cơ sở một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về nhận dạng, xác định học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau và cách tổ chức giáo dục, dạy học cũng như tập hợp các lực lượng cộng đồng cùng tham gia giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật. Thông qua module này, giáo viên sẽ có nhận thức tốt hơn về các năng lực cũng như nhu cầu cần đáp ứng của học sinh khuyết tật và trách nhiệm của nhà trường, xã hội trong việc bảo đảm các điều kiện cần thiết để học sinh khuyết tật có thể tham gia giáo dục hoà nhập tại địa phương. Từ đó giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có thái độ đúng đắn trong giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật. Module được thiết kế để giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cấp trung học cơ sở có

thể tự nghiên cứu và thực hành vẫn đạt được các mục tiêu dù với sự hỗ trợ hạn chế của chuyên gia giáo dục đặc biệt.

Module gồm các nội dung chính sau:

| TT | Nội dung                                                      | Số tiết |
|----|---------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Học sinh khuyết tật                                           | 2       |
| 2  | Một số vấn đề cơ bản về giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật | 3       |
| 3  | Quy trình giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật               | 5       |
| 4  | Dạy học lớp có học sinh khuyết tật học hoà nhập.              | 3       |
| 5  | Tổ chức giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.                | 2       |



## B. MỤC TIÊU

Qua module này, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cấp trung học cơ sở có thể:

### 1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm về học sinh khuyết tật, các tiêu chí cơ bản xác định học sinh khuyết tật và các nguyên nhân gây khuyết tật của học sinh.
- Mô tả các năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.
- Nêu lên được các hình thức tổ chức và quy trình giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.
- Nói về các nội dung, phương pháp giáo dục, dạy học hoà nhập trong trường lớp thuộc cấp trung học cơ sở có học sinh khuyết tật học hoà nhập.

### 2. Kỹ năng

- Nhận biết được học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau.
- Xây dựng khung quy trình giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.
- Tổ chức và quản lý lớp có học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở học hoà nhập.

### 3. Thái độ

- Tin tưởng vào khả năng tham gia giáo dục hoà nhập của học sinh khuyết tật.
- Ủng hộ và vận động cộng đồng tham gia hỗ trợ giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.



## **C. NỘI DUNG**

### **Nội dung 1**

---

#### **HỌC SINH KHUYẾT TẬT**

##### **I. MỤC TIÊU**

###### **Kiến thức:**

- Nêu được một số dạng khuyết tật trẻ thường mắc phải và khái niệm về học sinh khuyết tật.
- Trình bày được một số năng lực và nhu cầu cơ bản của trẻ có các dạng khuyết tật khác nhau.
- Nêu được một số khó khăn cơ bản học sinh khuyết tật gặp phải trong cuộc sống hằng ngày.

###### **Kĩ năng:**

- Sử dụng một số tiêu chí để phát hiện khiếm khuyết của học sinh trung học cơ sở.
- Quan sát để tìm hiểu một số năng lực, nhu cầu của học sinh khuyết tật.
- Phân tích, tổng hợp và ghi chép các thông tin cơ bản về học sinh khuyết tật.

###### **Thái độ:**

Tôn trọng, đối xử bình đẳng với học sinh khuyết tật và tạo môi trường giáo dục thân thiện trong trường, lớp có học sinh khuyết tật học hoà nhập.

##### **II. CÁC HOẠT ĐỘNG**

**Hoạt động 1:** Tìm hiểu về các dạng khuyết tật của học sinh trung học cơ sở.

###### **1. Nhiệm vụ**

Bạn hãy nêu các dạng khuyết tật của học sinh trung học cơ sở.

## 2. Thông tin phản hồi

- Học sinh trung học cơ sở có thể mắc phải một số khiếm khuyết về:
  - + Cấu trúc của cơ thể: Thừa hoặc thiếu bộ phận nào đó của cơ thể. Ví dụ, thiếu một tay, thừa 1 chân (3 chân), không có mắt, có thêm cục u lớn ở lưng...
  - + Sự phát triển sai lệch về chức năng của các cơ quan trong cơ thể. Ví dụ: có tay nhưng không cầm, nắm được hoặc có tai nhưng không nghe được âm thanh ở tần số bình thường hoặc có não bộ nhưng năng lực tư duy rất hạn chế, dưới mức bình thường...
  - + Sự phát triển sai lệch về hành vi. Ví dụ: thích đánh, cấu chí người khác, không muốn giao tiếp với bất cứ ai, luôn có những cử chỉ, điệu bộ bất thường lệch chuẩn...
  - + Phối hợp của 2 hay cả 3 yếu tố vừa nêu trên. Ví dụ: mắt nhìn kém và không có chân hoặc chân cử động khó khăn, tai nghe kém và nhận thức rất chậm...
- Dựa vào các khiếm khuyết hoặc sai lệch về chức năng của nhận thức, của một hoặc nhiều giác quan, của một hoặc nhiều cơ quan vận động hay của hành vi có thể chia thành các nhóm khuyết tật chính mà học sinh trung học cơ sở thường mắc phải như sau:
  - + Khuyết tật trí tuệ.
  - + Khuyết tật thị giác (khiếm thị).

- + Khuyết tật thính giác (khiếm thính).
  - + Khuyết tật vận động.
  - + Khuyết tật ngôn ngữ.
  - + Khuyết tật khác (tim bẩm sinh, mất cảm giác, tự kỉ...).
  - + Đa tật (có từ 2 khuyết tật trở lên).
- Một số dạng khuyết tật có thể nhận biết ngay được chỉ thông qua quan sát. Một số dạng khuyết tật khác cần phải có quá trình quan sát lâu dài, tỉ mỉ, kết hợp với đánh giá bằng các công cụ chuyên dùng thì mới có thể xác định được. Việc xác định đúng dạng khuyết tật mà học sinh mắc phải rất quan trọng trong tổ chức giáo dục, dạy học và hỗ trợ học sinh trong các hoạt động, sinh hoạt. Không nên chỉ dựa vào một hai biểu hiện bên ngoài để đánh giá và xếp loại khuyết tật của học sinh. Trường hợp rất hay gặp là học sinh có khuyết tật này nhưng lại bị xếp vào dạng khuyết tật khác. Ví dụ, học sinh khiếm thính mức độ nhẹ, lúc nghe được, lúc không do đó không hiểu được người khác nói hoặc học sinh khiếm thị do nhìn lúc thấy lúc không nên không hiểu và bị xếp vào dạng có khuyết tật trí tuệ. Do đó, khi nhận thấy các biểu hiện bất thường của học sinh thì cần phải cho học sinh đi khám y tế và quan sát trong thời gian dài để xác định đúng dạng cũng như mức độ khuyết tật của học sinh.

**Hoạt động 2: Thống kê một số quan niệm và khái niệm thường gặp khi nói về học sinh khuyết tật.**

### **1. Nhiệm vụ**

Bạn hãy thống kê một số quan niệm và khái niệm thường gặp khi nói về học sinh khuyết tật.

#### **1) Quan niệm về học sinh khuyết tật:**

## 2) Khái niệm về học sinh khuyết tật:

## 2. Thông tin phản hồi

### 2.1. Quan niệm về học sinh khuyết tật

- Học sinh bị khuyết tật là do quỷ dữ nhập vào hoặc vì bản thân hay cô ai đó trong gia đình thuộc các thế hệ trước hoặc hiện tại mắc tội nên bị (thánh, thần, trời...) trừng phạt... Vì vậy, học sinh phải tự chịu trách nhiệm để gánh hình phạt đó hoặc bị loại ra khỏi cộng đồng.
- Quan niệm học sinh khuyết tật là người không còn năng lực nên trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội, là kẻ ăn bám, là “Máy ăn vô dụng” ... Theo quan niệm này thì học sinh khuyết tật không cần và không nên đi học mà chỉ cần cho ăn đủ sống hoặc bỏ mặc cho số phận.

- Học sinh khuyết tật rất đáng thương, là người gánh tất cả vận hạn cho mọi người trong gia đình nên tất cả mọi người cần có trách nhiệm chăm lo, bù đắp đặc biệt và làm hộ mọi việc... Theo đó, học sinh khuyết tật không cần phải học hoặc làm bất cứ việc gì. Mọi hoạt động, sinh hoạt những người xung quanh phải có trách nhiệm lo cho học sinh khuyết tật một cách đầy đủ.
- Học sinh khuyết tật là người bệnh nên trước hết cần chữa trị y tế đến mức tối đa, khi không thể chữa trị được thì phải chịu. Khi quá tập trung vào chữa trị y tế mà bỏ bê công tác giáo dục thì sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng trong sự phát triển của học sinh. Rất dễ hình dung nếu thực hiện chữa trị 5 – 10 năm nhưng không có chuyển biến mới nghĩ tới giáo dục thì đã quá muộn. Thời gian của học sinh đã trôi đi một cách vô ích và học sinh sẽ khó học cùng các em ít hơn mình nhiều tuổi cũng như mức độ phát triển tâm sinh lí.
- Học sinh khuyết tật cũng là thành viên như mọi người trong xã hội, mọi người ai cũng có những khó khăn nhất định nên cần phải tự mình vượt qua. Nếu không vượt qua được thì tự chịu. Quan điểm này không nhận thấy sự khác biệt cơ bản giữa khó khăn do khuyết tật (khó khăn nằm trong cá thể người) và các khó khăn do hoàn cảnh bên ngoài gây ra. Với quan điểm này thì học sinh khuyết tật sẽ không có trợ giúp để tham gia vào các hoạt động sinh hoạt, học tập và các hoạt động chung của xã hội mà phải tự tìm cách khắc phục. Tất nhiên, đa số học sinh có khuyết tật sẽ không thể thực hiện được điều này và tương lai sẽ bị loại ra khỏi các hoạt động của cộng đồng.
- Học sinh khuyết tật là một thành viên trong xã hội nên cần được hưởng những thành quả phát triển của xã hội, được hưởng quyền bình đẳng về chữa trị y tế, tham gia giáo dục và các hoạt động khác trong xã hội và được hỗ trợ khi cần thiết để phát triển tốt nhất năng lực, sống tự lập, hoà nhập cộng đồng. Đây là quan điểm nhân văn, hiện đại. Trong xã hội mọi người đều khác nhau và đều có những khó khăn nhất định. Tuy nhiên, khó khăn của mỗi người có khác nhau. Quan trọng là phải tạo điều kiện để tất cả các thành viên đều có cơ hội được tham gia mọi hoạt động, được hưởng mọi thành quả của xã hội và được phát triển tối đa năng lực bản thân nhằm cống hiến lại cho xã hội. Vì vậy học sinh khuyết tật là nhóm có khó khăn nhiều nhất trong tiếp cận các hoạt động, dịch vụ xã hội cần được quan tâm, hỗ trợ nhiều hơn để có thể đạt được công bằng về cơ hội phát triển năng lực bản thân và cống hiến.

## 2.2. Khái niệm về học sinh khuyết tật

- Các cách gọi tên dân dã, gán người khuyết tật với những biệt danh như: ngu, đần, độn, đui, mù, què, thông minh, đần, ngọng, ngố...

Những khái niệm gán mác này chỉ dựa vào các khiếm khuyết của học sinh mà chưa chú trọng tới năng lực của mỗi cá nhân học sinh và là một trong những nguyên nhân làm tách học sinh khuyết tật ra khỏi tập thể, gây hiệu ứng tiêu cực cho cả học sinh khuyết tật và học sinh không có khuyết tật.

- Khái niệm nhân văn:

- + Theo pháp luật Việt Nam, học sinh trung học cơ sở có độ tuổi từ 11 đến 17 và trong trường hợp đặc biệt (học sinh là người khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) có thể học muộn hơn đến 3 năm (Luật Phổ cập giáo dục trung học cho phép học sinh có hoàn cảnh đặc biệt học xong tiểu học trước 15 tuổi). Như vậy, học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở có thể ở độ tuổi ở khoảng từ 11 tới 20 tuổi.

- + Học sinh khuyết tật bị hạn chế về cấu tạo hoặc sai lệch trong phát triển các chức năng hoặc hành vi nên cần được trợ giúp, can thiệp, phục hồi chức năng, phát triển kỹ năng đặc thù để có thể tham gia các hoạt động học tập và sinh hoạt cùng với các bạn và với cộng đồng.

- + Học sinh khuyết tật có những năng lực cá nhân cần được hỗ trợ, tạo điều kiện về phương pháp giáo dục, dạy học, các phương tiện phục vụ học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động ngoài xã hội, được giáo dục trong môi trường thân thiện, phù hợp để phát triển hướng tới sống tự lập, hoà nhập cộng đồng.

Như vậy, học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở là học sinh đang học trung học cơ sở với độ tuổi từ 11 – 20, có khiếm khuyết về cấu tạo thể chất, phát triển sai lệch các chức năng của cơ thể làm ảnh hưởng tới các hoạt động sinh hoạt, học tập bình thường của học sinh để có thể hoàn thành chương trình trung học cơ sở. Vì vậy, học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở cần được hỗ trợ và giáo dục trong môi trường thân thiện, phù hợp để có thể tham gia mọi hoạt động, sống tự lập, hoà nhập cộng đồng.

Như vậy, học sinh trung học cơ sở có các dạng khuyết tật khác nhau sẽ được hiểu theo những khái niệm như sau:

- Học sinh khiếm thị cấp trung học cơ sở là học sinh đang học trung học cơ sở với độ tuổi từ 11 – 20, có khuyết tật về thị giác, sau khi đã có các phương tiện trợ giúp vẫn gặp khó khăn trong các hoạt động học tập và sinh hoạt cần sử dụng mắt.

Phụ thuộc vào sự ảnh hưởng của khuyết tật thị giác, trẻ khiếm thị được phân ra làm 2 loại: mù và nhìn kém.

- + Trẻ mù được chia làm 2 mức độ:
  - Mù hoàn toàn: Thị lực = 0 vis; thị trường = 0° với cả hai mắt. Trẻ không còn cảm giác sáng tối.
  - Mù thực tế: Thị lực còn 0,005 đến 0,04 vis, thị trường còn nhỏ hơn 10° với mắt nhìn tốt hơn khi đã được các phương tiện trợ giúp.
- + Trẻ nhìn kém được chia làm 2 mức độ:
  - Nhìn quá kém: Thị lực còn từ 0,05 đến 0,08 vis với mắt nhìn tốt hơn, khi đã có các phương tiện trợ giúp. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập khi sử dụng mắt và cần được giúp đỡ thường xuyên trong sinh hoạt và học tập.
  - Nhìn kém: Thị lực còn từ 0,09 – 0,3 vis với mắt nhìn tốt hơn, khi đã có các phương tiện trợ giúp hoặc thị lực và thị trường giảm không nhiều nhưng do các nguyên nhân khác nhau như: giật nhãn cầu, lác, mù màu... làm trẻ gặp khó khăn trong việc dùng mắt để hoạt động. Trẻ nhìn kém có khả năng tự phục vụ, ít cần sự giúp đỡ thường xuyên của mọi người, còn chủ động trong mọi hoạt động hằng ngày.
- Học sinh khiếm thính cấp trung học cơ sở là học sinh đang học trung học cơ sở với độ tuổi từ 11 – 20, bị mất hoặc suy giảm về sức nghe, kéo theo những hạn chế về phát triển ngôn ngữ nói cũng như khả năng giao tiếp, gây khó khăn cho học sinh trong các hoạt động học tập và sinh hoạt bình thường.

Căn cứ vào *khả năng nghe còn lại* được đo bằng âm thanh đơn trong dải tần từ 500Hz đến 4000Hz, trẻ khiếm thính được chia thành 4 mức độ sau:

| Mức độ                           | Khả năng nghe                                                                          |
|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Mức 1: Điếc nhẹ (từ 20 – 40 dB)  | Trẻ còn nghe được hầu hết những âm thanh nhưng không nghe được tiếng nói thầm.         |
| Mức 2: Điếc vừa (từ 41 – 70 dB)  | Trẻ có thể nghe được những âm thanh to, nghe được tiếng nói chuyện bình thường.        |
| Mức 3: Điếc nặng (từ 71 – 90 dB) | Trẻ chỉ nghe được tiếng nói to, sát tai.                                               |
| Mức 4: Điếc sâu (trên 90 dB)     | Trẻ hầu như không nghe được trừ một số âm thanh thật to như tiếng sấm, tiếng trống to. |

Trẻ khiếm thính ở mức độ 1 và 2 thường được gọi là trẻ nghễnh ngãng, ở mức độ 3 và 4 là trẻ điếc.

- Học sinh khuyết tật trí tuệ cấp trung học cơ sở là học sinh đang học trung học cơ sở với độ tuổi từ 11 – 20, có chức năng trí tuệ dưới mức trung bình và hạn chế về hai hoặc nhiều hơn những lĩnh vực hành vi thích ứng như: giao tiếp, tự phục vụ, sống tại gia đình, xã hội, sử dụng các tiện ích công cộng, tự định hướng, kĩ năng học đường chức năng, giải trí, lao động, sức khỏe và an toàn.

Chức năng trí tuệ thường được đo bằng chỉ số IQ. Tuy nhiên, các tiêu chí xác định trí tuệ theo IQ vẫn có nhiều bất cập và không bảo đảm độ tin cậy. Do đó, để xác định học sinh có khuyết tật trí tuệ thì cần phải xem xét đồng thời cả các kĩ năng nêu trên.

- Học sinh khó khăn về học cấp trung học cơ sở là học sinh đang học trung học cơ sở với độ tuổi từ 11 – 20, có khó khăn trong lĩnh vực kiến thức, kĩ năng của một hoặc một vài môn học cụ thể.

Một số học sinh có trí tuệ phát triển bình thường nhưng rất khó khăn trong việc học môn học cụ thể. Ví dụ, một học sinh học rất tốt môn Ngữ văn và một số môn khác nhưng rất khó khăn khi học môn Toán hoặc ngược lại học rất tốt môn Toán nhưng rất khó khăn trong học Ngữ văn. Cả môn Toán và Ngữ văn bình thường nhưng không sao lĩnh hội được kiến thức âm nhạc. Học sinh không lười học nhưng kết quả học tập vẫn kém. Rất nhiều học sinh trong nhóm này bị xếp nhầm vào nhóm học sinh khuyết tật trí tuệ.

Cho tới nay, Việt Nam vẫn chưa có tiêu chí chung để xác định và phân loại học sinh khuyết tật.

**Hoạt động 3:** Tìm hiểu về tính quy luật trong sự phát triển sinh lí của con người và ảnh hưởng của các dạng khuyết tật khác nhau đến sự phát triển sinh lí của học sinh khuyết tật trung học cơ sở.

#### 1. Nhiệm vụ

Bạn hãy nêu tính quy luật trong sự phát triển sinh lí của con người và ảnh hưởng của các dạng khuyết tật đến sự phát triển sinh lí của học sinh khuyết tật trung học cơ sở.

Bạn tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện nội dung trên.

## 2. Thông tin phản hồi

- Mọi người đều phát triển sinh lý theo quy luật chung. Dù có khuyết tật các giai đoạn phát triển sinh học của người vẫn không thay đổi. Đến tuổi nhất định, học sinh khuyết tật trung học cơ sở sẽ dậy thì giống như các bạn không có khuyết tật và những biểu hiện phát triển cơ thể của học sinh khuyết tật cũng tương tự như các bạn không có khuyết tật.
- Các dạng khuyết tật ở các mức độ khác nhau, có ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển sinh lý của con người, trong đó có học sinh khuyết tật trung học cơ sở. Tuy nhiên ảnh hưởng tiêu cực đó không phải là quy luật mà chủ yếu là do môi trường và sự hạn chế của giáo dục mang lại. Ví dụ, học sinh khuyết tật vận động một chân và không được trợ giúp, giáo dục đúng, thường sẽ có thể lực kém hơn bạn không khuyết tật vì không thể vận động nhiều như bạn hoặc sẽ phát triển không cân đối do vận động không cân bằng giữa hai phần của cơ thể.
- Học sinh khuyết tật được học tập, sinh hoạt trong môi trường thân thiện với phương pháp giáo dục, dạy học phù hợp sẽ khắc phục được những hạn chế do hậu quả của khuyết tật để phát triển năng lực cá nhân, sống tự lập, hoà nhập cộng đồng. Ví dụ, học sinh khuyết tật vận động trong trường hợp vừa nêu trên nếu được trợ giúp về chân giả và được hướng dẫn tập luyện đúng cùng với đó là những người xung quanh, nhất là các

bạn cùng học được hướng dẫn cách hoạt động cùng nhau với bạn khuyết tật vận động và cơ sở vật chất trường/lớp, nơi sinh sống được cải tạo phù hợp với việc di chuyển của học sinh này thì những ảnh hưởng làm sai lệch sự phát triển nêu trên sẽ được khắc phục.

**Hoạt động 4:** Tìm hiểu năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật.

**1. Nhiệm vụ**

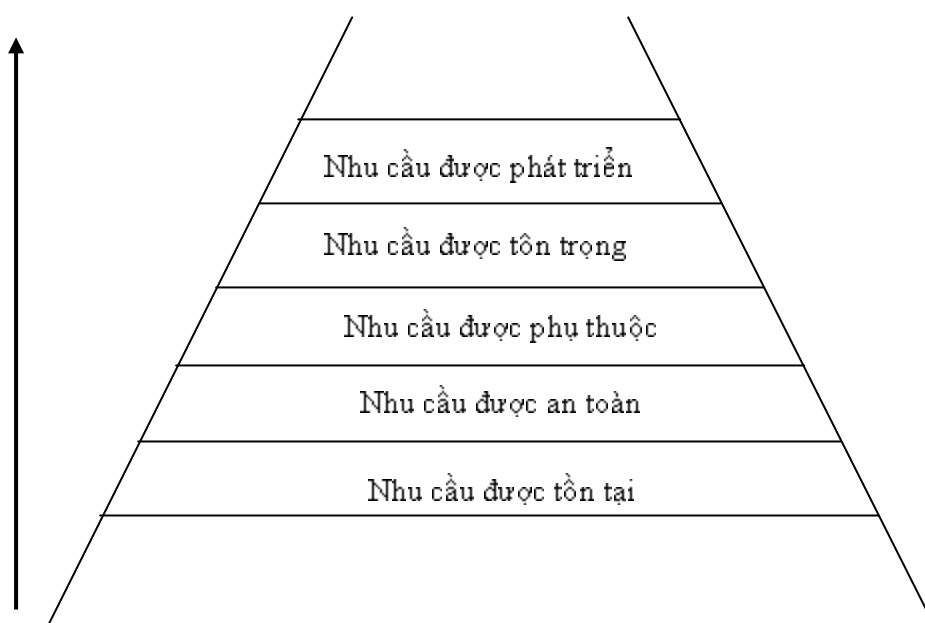
Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi cùng đồng nghiệp để liệt kê những năng lực của học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau và sau đó trao đổi với đồng nghiệp để bổ sung.

**2. Thông tin phản hồi**

- Mỗi cá nhân đều có những năng lực ở những mức độ khác nhau. Theo Gardner – nhà tâm lý học Mỹ, thì trong bản thân mỗi con người có rất nhiều năng lực mà chúng ta chưa sử dụng hoặc sẽ sử dụng. Gardner xác định 8 dạng năng lực của con người gồm: ngôn ngữ; tư duy logic/toán học; không gian/hội họa; âm nhạc; hướng nội/nội tâm; hướng ngoại/giao tiếp xã hội; vận động thể lực và thiên nhiên.

- Tất cả học sinh có các dạng và mức độ khuyết tật khác nhau vẫn có những năng lực và kể cả tài năng riêng. Ví dụ: học sinh khuyết tật trí tuệ rất có thể sẽ có thể lực tốt hơn bình thường; học sinh khiếm thị có thính lực, xúc giác tốt hơn; học sinh khiếm thính có thị giác tốt hơn...
- Những năng lực này có một số đã bộc lộ nhưng còn rất nhiều năng lực vẫn còn tiềm ẩn và cần phải tìm hiểu để tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy cho chúng phát triển.
- Nhu cầu của con người, trong đó có học sinh khuyết tật theo Abraham Maslow được thể hiện theo các thang bậc từ thấp tới cao. Theo mức độ từ thấp đến cao các nhu cầu gồm: nhu cầu tồn tại (ăn, uống, thở); nhu cầu an toàn (nơi ở, quần áo...); nhu cầu phụ thuộc và được phụ thuộc (sống trong tập thể); nhu cầu được tôn trọng (tôn trọng và được người khác trong xã hội tôn trọng); nhu cầu phát triển (tối đa theo năng lực của bản thân)... Nhu cầu của con người là vô hạn nên sau các nhu cầu này sẽ có nhu cầu khác. Ví dụ, sau nhu cầu phát triển có thể là nhu cầu được sáng tạo và nhu cầu được cống hiến... Tuy nhiên, cần chú ý là cùng một lúc con người có cả nhu cầu thấp và nhu cầu cao. Trong một số thời điểm nhất định, nhu cầu cao có thể trở thành cấp thiết hơn cả nhu cầu thấp.

Các nhu cầu căn bản của con người theo Abraham Maslow gồm:



## Hoạt động 5: Thực tập xác định năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật.

### 1. Nhiệm vụ

Quan sát 1 bức ảnh về học sinh khuyết tật và có thông tin bổ sung về dạng khuyết tật, hoàn cảnh gia đình, điều kiện địa phương, sau đó đề xuất một số nhu cầu để học sinh này có thể tham gia học tập, sinh hoạt cùng với các bạn và cộng đồng.

### 2. Thông tin phản hồi

- Học sinh khuyết tật, tùy thuộc vào dạng và mức độ khuyết tật, luôn có những năng lực tiềm ẩn cần được xác định. Các năng lực này thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, từ thể lực cho đến tài năng.
- Việc tìm hiểu năng lực của học sinh không nên dựa vào hình dạng bên ngoài mà cần thông qua quá trình quan sát, đặc biệt trong các hoạt động, sinh hoạt hằng ngày của học sinh.
- Mọi học sinh khuyết tật đều có nhu cầu cá nhân cần được đáp ứng để có thể tham gia vào hoạt động chung của xã hội, phát triển và hoà nhập cộng đồng.
- Nhu cầu của học sinh rất đa dạng. Đa số học sinh đều có nhu cầu về cải tạo môi trường xung quanh (cả môi trường xã hội và môi trường tự nhiên). Một số học sinh có nhu cầu về phương tiện trợ giúp cho cá nhân (Tai nghe, kính trợ thị, xe lăn...). Số khác có nhu cầu tình cảm hoặc tư vấn hoặc kinh phí...
- Tại các địa phương khác nhau, học sinh có cùng dạng và mức độ khuyết tật chưa hẳn đã có cùng những nhu cầu cần đáp ứng để tham gia học tập và sinh hoạt giống nhau. Ví dụ, xe lăn cần cho học sinh khuyết tật vận động chân ở vùng đồng bằng/thành thị nhưng hầu như không thực sự cần cho học sinh miền núi, vùng sâu, vùng xa ở nhà sàn.

## Hoạt động 6: Chơi trò đóng vai học sinh có khuyết tật.

### 1. Nhiệm vụ

Bạn hãy tổ chức chơi trò chơi đóng vai học sinh có khuyết tật, sau khi chơi, kể lại những khó khăn mình gặp phải khi đóng vai học sinh khuyết tật rồi đưa ra kết luận về những khó khăn do khuyết tật gây ra cho học sinh.

## **2. Thông tin phản hồi**

- Mọi khuyết tật dù ở dạng nào chăng nữa đều có những ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của học sinh.
- Những khuyết tật khác nhau ảnh hưởng tới quá trình tâm lí, hoạt động nhận thức, phát triển ngôn ngữ và nhân cách của học sinh theo các khía cạnh và mức độ khác nhau. Vì vậy, học sinh khuyết tật cần được hỗ trợ thêm về y tế, giáo dục, xã hội để có thể tham gia vào hoạt động chung.

**Hoạt động 7: Liệt kê những khó khăn do môi trường gây ra cho học sinh có một dạng khuyết tật nhất định.**

### **1. Nhiệm vụ**

Bạn hãy liệt kê những khó khăn do môi trường gây ra cho học sinh có một dạng khuyết tật nhất định.

## **2. Thông tin phản hồi**

- Điều kiện thiên nhiên (địa hình, khí hậu, thời tiết...) gây những khó khăn cho học sinh có các dạng khuyết tật khác nhau. Cùng một điều kiện môi

trường tự nhiên giống nhau những học sinh có khuyết tật khác nhau sẽ chịu sự ảnh hưởng không giống nhau.

- Sản phẩm của xã hội được làm ra tập trung chủ yếu vào việc phục vụ cho người không có khuyết tật nên gây khó khăn cho sự tham gia của học sinh khuyết tật.
- Xã hội, đặc biệt là giáo viên, các bạn cùng lớp chưa được cung cấp thông tin về năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật cũng như cách thức giao tiếp với học sinh khuyết tật.
- Điều kiện kinh tế – xã hội lạc hậu và nhận thức còn thấp là nguyên nhân chính khiến môi trường xã hội, kể cả trường học, chưa trở thành môi trường thân thiện và phù hợp với sự tham gia hoạt động học tập và sinh hoạt của học sinh khuyết tật
- Các dịch vụ hỗ trợ còn yếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh khuyết tật. Các dịch vụ chủ yếu có thể nhắc đến là dịch vụ tư vấn (cho cả giáo viên, học sinh, phụ huynh và những người quan tâm), mạng lưới các cơ sở cung cấp phương tiện, trang thiết bị, đồ dùng đặc biệt...

*Mức độ ảnh hưởng của khuyết tật dù nhiều hay ít nhưng nếu được bảo đảm giáo dục trong môi trường thân thiện và được hỗ trợ đáp ứng các nhu cầu phù hợp thì học sinh khuyết tật vẫn có thể lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và đạo đức để phát triển, sống tự lập, hoà nhập cộng đồng.*

### III. CÂU HỎI TỰ ĐÁNH GIÁ

- 1) Nêu một số tiêu chí cơ bản để xác định học sinh khuyết tật.
- 2) Học sinh khuyết tật có thể tham gia giáo dục hoà nhập và các hoạt động xã hội được không? Tại sao?
- 3) Học sinh khuyết tật gặp những khó khăn nào khi tham gia học tập và sinh hoạt trong cộng đồng?

## Nội dung 2

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT

#### I. MỤC TIÊU

**Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.

- Trình bày mục tiêu và các điều kiện cơ bản để thực hiện giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.

**Kĩ năng:**

- Phân tích, đánh giá các yếu tố cần thiết để tổ chức giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật tại địa phương.

**Thái độ:**

Tin tưởng vào khả năng của bản thân và cộng đồng trong thực hiện giáo dục hoà nhập học sinh khuyết tật.

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG

**Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm kĩ năng đặc thù.**

### 1. Nhiệm vụ

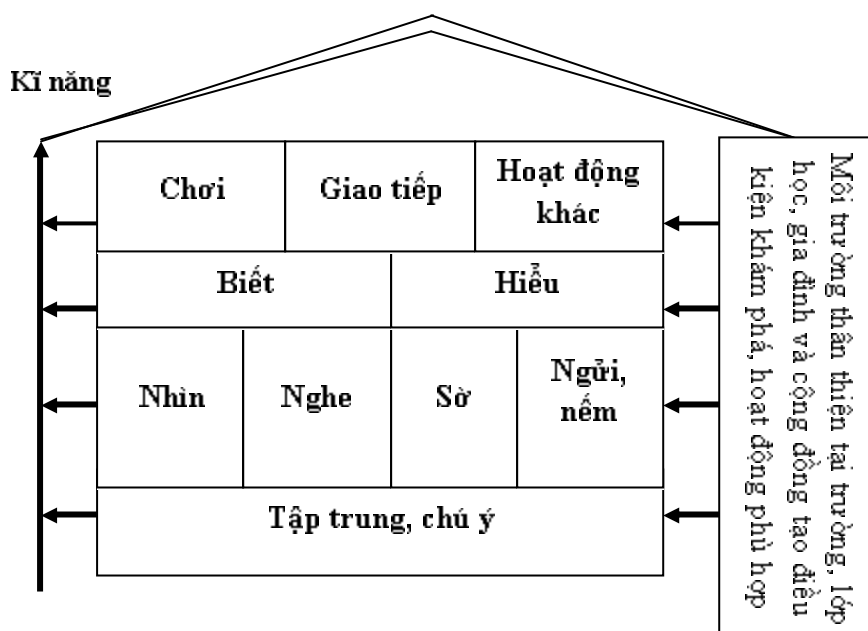
Bạn hãy trao đổi cùng đồng nghiệp và tham khảo thông tin dưới đây để nêu khái niệm kĩ năng đặc thù.

### 2. Thông tin phản hồi

Kĩ năng là khả năng giải quyết vấn đề hoặc thực hiện hành động nào đó để đạt được kết quả đã định sẵn với chi phí về thời gian và nguồn lực ít nhất. Kĩ năng được hình thành và phát triển do kết quả của giáo dục hoặc các hoạt động sống hằng ngày của cá nhân. Có thể chia kĩ năng làm hai nhóm chính:

- Các kĩ năng chung bao gồm các kĩ năng mà mọi người trong xã hội đều cần có và thực hiện theo phương cách tương đối giống nhau như: vận động của cơ thể, đi lại, giao tiếp bằng lời nói, kĩ năng đọc, viết chữ phổ thông...
- Kĩ năng đặc thù là những kĩ năng mà một người hay một nhóm người sử dụng để thực hiện hành động riêng hoặc sử dụng phương cách khác để giải quyết vấn đề mà mọi người vẫn thường giải quyết theo cách chung. Những kĩ năng đặc thù có thể là:
  - + Kĩ năng nghề nghiệp.
  - + Kĩ năng được phát triển tự nhiên để thích nghi với hoàn cảnh sống trong những điều kiện địa hình, kinh tế - xã hội nhất định.
  - + Kĩ năng đặc thù có thể là những kĩ năng mà chỉ những người có tài năng làm bằng cách đặc biệt mà vẫn đạt hiệu quả chung.
  - + Kĩ năng đặc thù cũng có thể là kĩ năng do những người vì bị hạn chế của thể chất hoặc tinh thần mà bắt buộc phải thực hiện:
    - Theo cách riêng để đạt kết quả.
    - Bổ sung thêm để đạt được kết quả định sẵn như mọi người và tham gia vào hoạt động chung của xã hội.

Các kĩ năng được hình thành theo mô hình sau:



- \* *Chú ý:* Để những kĩ năng có thể hình thành và phát triển nhanh thì môi trường thuận lợi là yếu tố tác động xuyên suốt trong cả quá trình. Môi trường ở đây bao gồm cả địa điểm, sự vật, hiện tượng và những người xung quanh.

**Hoạt động 2:** Tìm hiểu bản chất của giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và giáo dục hoà nhập.

**1. Nhiệm vụ**

Bạn hãy đọc thông tin sau và trao đổi cùng đồng nghiệp để nêu bản chất của giáo dục chuyên biệt, giáo dục hội nhập và giáo dục hoà nhập.

**2. Thông tin phản hồi**

Học sinh khuyết tật hiện đang học theo các hình thức tổ chức giáo dục khác nhau như:

- \* Học sinh khuyết tật học riêng hoặc học cùng với các bạn có chung dạng khuyết tật tại cơ sở riêng – giáo dục chuyên biệt.

Trong môi trường giáo dục chuyên biệt, học sinh có cùng dạng khuyết tật học cùng với nhau do giáo viên dạy chuyên biệt dạy theo chương